

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH XUYỀN
TỈNH VINH PHÚC**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2017/HNGĐ – ST
Ngày 26 - 7 - 2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH VINH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quang Thái.

Bà Trương Thị Hương Nghĩa.

Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Thành - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2018/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị D, sinh năm 1983; cư trú tại: Thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

- *Bị đơn:* Anh Vi Ngọc S, sinh năm 1965; cư trú tại: Thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, hiện anh S đang chấp hành án tại Đội 22, phân trại số 2, Trại giam Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 4 năm 2018 và những lời khai trong quá trình làm việc cũng như tại phiên toà, nguyên đơn chị Dương Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Vi Ngọc S kết hôn ngày 06 tháng 02 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, là quê của anh S. Trước khi kết hôn vợ chồng chị được tự do tìm hiểu, rồi tự nguyện đi đến hôn nhân; sau khi kết hôn chị và anh S sống chung cùng gia đình nhà anh S khoảng 2, 3 tháng sau đó vợ chồng chị chuyển về sống chung cùng gia đình nhà chị ở thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Tình cảm vợ chồng thời gian đầu hòa

thuận, hạnh phúc. Đến khoảng năm 2011 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh S không chín chu làm ăn mà chơi bời, chị và gia đình có khuyên bảo nhiều lần nhưng anh S không nghe nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Năm 2012, anh S phạm tội và bị Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ đưa ra xét xử nên hiện nay anh S đang đi chấp hành án tại Trại Giam Qn, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nếu anh S không đi chấp hành án thì chị cũng không thể sống cùng anh S được nên chị đã có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh S, tại phiên tòa chị vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh S.

Về nuôi con chung: Vợ chồng chị có một con chung là cháu Vi Ngọc Đ, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2009, hiện nay cháu Đ đang ở cùng chị. Ly hôn chị xin được nuôi cháu Đ, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện chị đang làm công nhân tại Công ty D Việt Nam đóng trên địa bàn huyện B, thu nhập khoảng 6.000.000 đồng/ tháng, chị khẳng định chị có đủ điều kiện nuôi cháu Đ được tốt.

Về tài sản: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vi Ngọc S vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án anh trình bày:

Anh nhất trí với lời trình bày của chị D về thời gian đăng ký kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng một phần là do kinh tế gia đình quá khó khăn, một phần là do anh chơi bời, mâu thuẫn lớn nhất vào năm 2012, trong thời gian này do anh bị bạn bè rủ rê, chơi bời dẫn đến phạm tội hiện anh đang đi chấp hành án tại Trại Giam Q huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Nay chị D khởi kiện xin ly hôn anh, anh xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy đã lâu hai bên không còn tình cảm với nhau nữa nên anh hoàn toàn nhất trí ly hôn chị D.

Về nuôi con chung: Anh xác nhận lời trình bày của chị D là đúng. Vợ chồng anh có một con chung là cháu Vi Ngọc Đ, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2009; cháu Đ đang ở cùng chị D. Hiện tại anh không có điều kiện để nuôi cháu nên anh nhất trí để chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Đ và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D.

Về tài sản: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng chị D, anh S đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; anh S vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên anh đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Dương Thị D được ly hôn anh Vi Ngọc S; giao con chung là cháu Vi Ngọc Đ, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2009, cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng; anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D; về chia tài sản các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Dương Thị D khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn anh Vi Ngọc S và đề nghị phân chia nuôi con chung, do đó đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn anh Vi Ngọc S, trước khi đi chấp hành án anh cư trú tại thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, theo qui định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng hiện tại đang đi chấp hành án trại tại Trại Giam Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang và có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị Dương Thị D và anh Vi Ngọc S đều thừa nhận vợ chồng anh, chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh S là hợp pháp. Quá trình chung sống, do luôn bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày nên vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Trong những lần làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa chị D đều khẳng định tình cảm vợ chồng với anh S không còn, việc đoàn tụ là không thể, chị vẫn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S. Quá trình giải quyết vụ án, anh S thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã lâu, thời gian trước khi anh đi chấp hành án, nguyên nhân mâu thuẫn là một phần là do kinh tế gia đình khó khăn, một phần do anh chơi bời không chừa chu chăm lo cho gia đình, anh xác định không còn tình cảm với chị D nên anh nhất trí ly hôn chị D. Xét, cuộc sống chung giữa chị D và anh S không thể tiếp tục vì anh, chị sống ly đã lâu, không còn quan tâm đến nhau, điều đó thể hiện anh chị không còn yêu thương, chăm sóc nhau, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Do đó cần giải quyết cho chị D và anh S, được ly hôn.

Về nuôi con chung: Chị D và anh S thống nhất vợ chồng có một con chung là cháu Vi Ngọc Đ, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2009. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị D tha thiết xin được nuôi cháu, anh S hoàn toàn nhất trí để chị D nuôi cháu Đ vì hiện tại anh đang đi chấp hành án nên không có điều kiện để nuôi cháu. Xét nguyện vọng nuôi con chung của chị D, anh S là phù hợp nên cần giao cháu Đ cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D nhưng có quyền nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở gây khó khăn.

Về tài sản: Chị D và anh S không đề nghị Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét. Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có đề nghị về tài sản thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo qui định của pháp luật.

3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị D phải chịu theo qui định pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chị Dương Thị D được ly hôn anh Vi Ngọc S.

Về nuôi con chung: Giao cháu Vi Ngọc Đ, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2009 cho chị Dương Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Vi Ngọc S không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị D và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

Về tài sản: Không xem xét.

Về án phí: Chị Dương Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2016/0002630 ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Bình Xuyên; chị D đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt cũng có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)
Trần Thị Lan